

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang

Các Hôi thăm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bé Em

Bà Trần Thị Ngọc Diễm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương-Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Văn Kim Thái Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2022/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

PHẠM NGỌC D, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TA, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1962 và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1966; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị Thu N, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2017, hiện không còn sống chung với bà Trần Thị Thu N; Đến năm 2019, bị cáo sống chung như vợ chồng với bà Phan Thị Thùy T, sinh năm 1997 và có 01 con chung sinh ngày 31/01/2022.

Quá trình hoạt động của bị cáo: Từ nhỏ sống cùng gia đình và đi học ở xã Tân Phú, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang, học đến lớp 10 nghỉ học. Ngày 22/4/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 10 năm tù về tội “Giết người” và 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội bị cáo D chấp hành là 13 năm tù (khi phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2013). Ngày 27/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 72/2013/HS-ST). Ngày 27/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 72/2013/HS-ST, bị cáo D chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/3/2016 nhưng đến ngày 27/3/2019 mới chấp hành xong phần án phí). Ngày 20/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (phạm tội ngày 19/11/2018, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2020).

Tiền án: 03 tiền án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2013/HSST ngày 27/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2014/HSST ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 BLHS, tổng hợp hình phạt với bản án số 72/2013/HSST ngày 27/11/2013, bị cáo Duy chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm tù;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS;

Tiền sự: không;

Bị bắt bị bắt tạm giữ từ ngày 02/3/2022 đến ngày 05/3/2022 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

- *Bị hại*: Phạm Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 18F1, khu phố H, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp TA, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp TA, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số 221, ấp APT, xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng*:

Ông Đỗ Nhân N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố M, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 30/01/2021, bị cáo Phạm Ngọc D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu đỏ xám, biển số 63B2-129.26 (xe của Phạm Thị Ngọc L) từ tỉnh Tiền Giang qua thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đi đến quán ăn Nga P ở số 18F1, khu phố 2, phường Phú Khương, thành phố BT, Duy dựng xe mô tô bên ngoài rồi vào trong quán ăn cơm. Trong lúc ăn cơm, D phát hiện xe mô tô biển số 71B2-978.42 của chị Phạm Thị N dựng trong quán nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trong cốp xe. Để thực hiện ý định, D bước đến dùng tay trái kéo yên xe lên, tay phải thò vào trong lấy ví cùng số tài sản trong ví của chị N rồi ra ngoài

điều khiển xe mô tô biển số 63B2-129.26 tẩu thoát. Bên trong ví có số tiền Việt Nam 8.500.000 đồng, 01 sợi dây chuyền kiểu móc xích và mặt dây chuyền kiểu mề đai hình trái tim bằng vàng 24K, trọng lượng 06 chỉ, 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ. Trên đường tẩu thoát, D dừng xe lại lấy toàn bộ tiền và vàng cất giấu rồi ném bỏ chiếc ví bên đường. Sau đó, D ghé vào tiệm vàng (không rõ địa chỉ) ở huyện CT, tỉnh Bến Tre bán 01 nhẫn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ được 5.000.000 đồng rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đến một tiệm vàng ở huyện CT, tỉnh Tiền Giang (không rõ địa chỉ cụ thể) bán số vàng còn lại được 40.000.000 đồng.

Sau khi có được tiền, ngày 01/02/2021, D nhờ ông Phạm Văn H (cha ruột) điều khiển xe mô tô chở D qua cửa hàng mua bán xe NN ở xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre mua 01 xe mô tô nhãn hiệu CKD THAILAND, số loại HD 110, không biển số, màu đen với giá 16.000.000 đồng để sử dụng. Sau đó, lực lượng Công an thành phố BT đến mời D về làm việc. Qua làm việc, D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội rồi sau đó bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 02/3/2022, D bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ: 01 nón kết lưỡi trai màu đen; 01 nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu. 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu đỏ xám, biển số 63B2-129.26(do Phạm Ngọc D giao nộp); 01 xe mô tô nhãn hiệu CKD THAILAND, số loại HD 110, không biển số, số khung RL1DCH2L1AA601442, số máy VZS152FMH601442, màu đen; 01 giấy mua, bán xe ngày 01/02/2021, người mua: Phạm Văn H (do Phạm Văn H giao nộp); 01 biển số xe 71B4-482.54; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B4-482.54 mang tên Lê Thanh P (do Đỗ Nhân N giao nộp); 01 đoạn camera ghi nhận hình ảnh Phạm Ngọc D có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị N (do chị N giao nộp).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 264/KL-HĐĐG ngày 01/4/2021 của Hội đồng định giá thành phố BT kết luận:

- 01 sợi dây chuyền kiểu móc xích và mặt dây chuyền kiểu mề đai hình trái tim bằng vàng 24K, trọng lượng 06 chỉ, trị giá tài sản ngày 30/01/2021: giá mua: 32.640.000 đồng, giá bán: 32.940.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ. Trị giá tài sản ngày 30/01/2021: giá mua: 10.880.000 đồng, giá bán: 10.980.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ. Trị giá tài sản ngày 30/01/2021: giá mua: 5.440.000 đồng, giá bán: 5.490.000 đồng.

- 01 chiếc ví cầm tay nữ màu nâu, kích thước 15cm x 20cm. Trị giá tài sản ngày 30/01/2021: 10.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKSND-TPBT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung cáo trạng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng trị giá là 57.470.000 đồng. Về nhân thân bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản lại tiếp tục phạm tội. Do đó, lần phạm tội này, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, bị cáo đang nuôi con nhỏ và gia đình bị cáo có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã giao trả xe mô tô biển số 63B2-129.26 cho Phạm Thị Ngọc L. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 nón kết lưới trai màu đen và 01 nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 xe mô tô nhãn hiệu CKD THAILAND, số loại HD 110, không biển số, số khung RL1DCH2L1AA601442, số máy VZS152FMH601442, màu đen; 01 giấy mua, bán xe ngày 01/02/2021, người mua: Phạm Văn Hồng ; 01 biển số xe 71B4-482.54; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B4-482.54 mang tên Lê Thanh Phúc.

Bị hại Phạm Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là 57.470.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

Bị cáo Phạm Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

[4] Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 30/01/2021, tại quán ăn Nga Phạm ở số 18F1, khu phố 2, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Phạm Ngọc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Phạm Thị N 01 ví nữ trị giá 10.000 đồng, tiền Việt Nam 8.500.000 đồng, 01 sợi dây chuyền kiểu móc xích và mặt dây chuyền kiểu mè đai hình trái tim bằng vàng 24K, trọng lượng 06 chỉ, trị giá 32.640.000 đồng, 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 10.880.000 đồng và 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ trị giá 5.440.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nga là 57.470.000 đồng.

[5] Bị cáo Phạm Ngọc D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì động cơ tư lợi bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 57.470.000 đồng. Với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, Bản cáo trạng số 43/CT-VKSNDTPBT ngày 11/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, điều này cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết nhằm để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo có công với đất nước, cha bị cáo ông Phạm Văn Hồng được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba (đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế giúp cách mạng Campuchia), bị cáo có 02 con còn nhỏ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị N yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc D bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là 57.470.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

[10] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã giao trả xe mô tô biển số 63B2-129.26 cho Phạm Thị Ngọc L. Đối với 01

nón kết lưới trai màu đen và 01 nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu là tài sản của bị cáo, bị cáo không có nhu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu CKD THAILAND, số loại HD 110, không biển số, số khung RL1DCH2L1AA601442, số máy VZS152FMH601442, màu đen; 01 giấy mua, bán xe ngày 01/02/2021, người mua: Phạm Văn H; 01 biển số xe 71B4-482.54; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B4-482.54 mang tên Lê Thanh P, là tài sản do bị cáo bán vàng của bị hại mua được nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phạm Thị N số tiền 57.470.000 (Năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01(một) nón kết lưới trai màu đen và 01(một) nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu;

3.2. Tiếp tục tạm giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu CKD THAILAND, số loại HD 110, không biển số, số khung RL1DCH2L1AA601442, số máy VZS152FMH601442, màu đen; 01 (một) biển số xe 71B4-482.54; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B4-482.54 mang tên Lê Thanh Phúc và 01 (một) giấy mua, bán xe ngày 01/02/2021, người mua: Phạm Văn Hồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2022, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT đang quản lý).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Phạm Ngọc D phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.873.500(Hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm)đồng;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Công an thành phố BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã TP, h.CL, t.Tiền Giang(1b);
- NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bé Em Trần Thị Ngọc Diễm Nguyễn Thị Đoan Trang